

Họ tên : ..... Lớp : .....

Mã đề 618

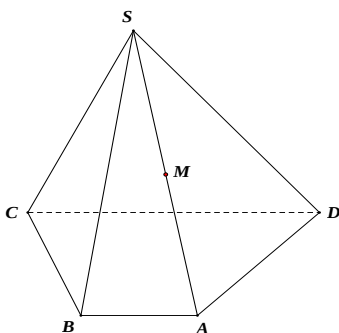
**Câu 1:** Biết  $\lim_{n \rightarrow \infty} (\sqrt{n^2 + \sqrt{6n+1}} - n) = \frac{a\sqrt{6}}{b}$ , trong đó  $a, b \in \mathbb{N}$  và  $\frac{a}{b}$  là phân số tối giản. Giá trị  $a + b$  bằng

- A. 3. B. 7. C. 9. D. 4.

**Câu 2:** Biết  $\lim_{x \rightarrow 3} f(x) = 2$  và  $\lim_{x \rightarrow 3} g(x) = 4$ . Ta có  $\lim_{x \rightarrow 3} [f(x) + 2g(x)]$  bằng

- A. 10. B. 12. C. 4. D. 6.

**Câu 3:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy là hình thang với đáy lớn  $CD$ . Gọi  $M$  là trung điểm của cạnh  $SA$ ,  $N$  là giao điểm của đường thẳng  $SB$  và mặt phẳng  $(MCD)$ .



Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. Hai đường thẳng  $MN$  và  $CD$  song song. B. Hai đường thẳng  $MN$  và  $SD$  cắt nhau.  
C. Hai đường thẳng  $MN$  và  $CD$  chéo nhau. D. Hai đường thẳng  $MN$  và  $SC$  cắt nhau.

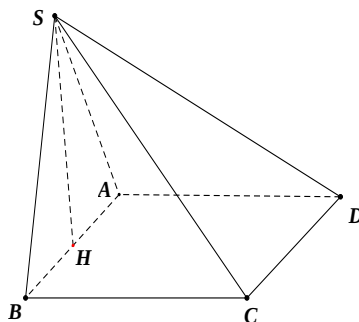
**Câu 4:** Có bao nhiêu số tự nhiên có 5 chữ số đôi một khác nhau, mà trong mỗi số đều có ba chữ số 0, 1, 2?

- A. 1260. B. 2016. C. 6216. D. 12600.

**Câu 5:** Cho hình lăng trụ  $ABC.A'B'C'$ . Gọi  $I, J, K$  lần lượt là trọng tâm của các tam giác  $ABC, ACC', A'B'C'$ . Mặt phẳng nào sau đây song song với mặt phẳng  $(IJK)$ ?

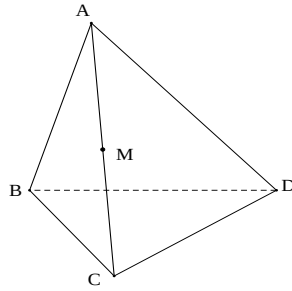
- A.  $(ABB')$ . B.  $(BB'C')$ . C.  $(A'BC')$ . D.  $(ABC)$ .

**Câu 6:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình vuông. Gọi  $H$  là trung điểm của cạnh  $AB$  và  $SH$  vuông góc với đáy. Đường thẳng  $AD$  không vuông góc với đường thẳng nào sau đây?



- A.  $SB$ . B.  $SA$ . C.  $SH$ . D.  $SC$ .

**Câu 7:** Cho tứ diện đều  $ABCD$  có  $M$  là trung điểm  $AC$ . Số đo góc giữa hai vectơ  $\vec{BC}$  và  $\vec{MB}$  bằng

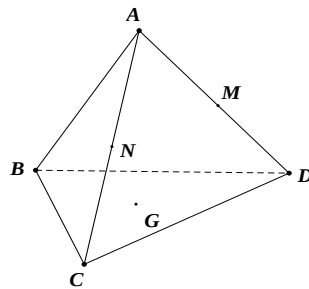


- A.  $150^\circ$ .      B.  $60^\circ$ .      C.  $120^\circ$ .      D.  $30^\circ$ .

**Câu 8:** Hai xạ thủ, độc lập với nhau, cùng bắn vào một mục tiêu. Xác suất để xạ thủ một bắn trúng mục tiêu là 0,6; xác suất để xạ thủ hai bắn trúng mục tiêu là 0,8. Xác suất để cả hai xạ thủ cùng bắn trúng mục tiêu là

- A. 0,48.      B. 0,24.      C. 0,12.      D. 0,14.

**Câu 9:** Cho tứ diện  $ABCD$ . Gọi  $M$ ,  $N$  lần lượt là trung điểm của các cạnh  $AD$ ,  $AC$  và  $G$  là trọng tâm tam giác  $BCD$ .



Giao tuyến của hai mặt phẳng  $(GMN)$  và  $(BCD)$  là đường thẳng

- A. qua  $N$  và song song với  $BD$ .      B. qua  $G$  và song song với  $BC$ .  
C. qua  $G$  và song song với  $CD$ .      D. qua  $M$  và song song với  $AB$ .

**Câu 10:** Cho cấp số cộng  $(u_n)$  biết  $u_1 = 123$  và  $u_3 - u_{15} = 84$ . Số hạng thứ 17 của cấp số cộng đã cho bằng

- A. 235.      B. 242.      C. 4.      D. 11.

**Câu 11:** Kết quả của  $\lim \left( \frac{4}{3} \right)^n$  bằng

- A. 0.      B. 3.      C. 4.      D.  $+\infty$ .

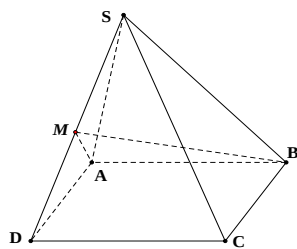
**Câu 12:** Cho hàm số  $y = f(x) = \begin{cases} 2x^2 + 4x - 3 & \text{khi } x < 2 \\ 3x^3 - 2 & \text{khi } x \geq 2 \end{cases}$ . Mệnh đề nào dưới đây là mệnh đề đúng?

- A. Hàm số đã cho liên tục tại  $x = -1$  và gián đoạn tại  $x = 2$ .  
B. Hàm số đã cho gián đoạn tại  $x = 2$  và  $x = -1$ .  
C. Hàm số đã cho liên tục tại  $x = 2$  và  $x = -1$ .  
D. Hàm số đã cho liên tục tại  $x = 2$  và gián đoạn tại  $x = -1$ .

**Câu 13:** Một hộp đựng 4 viên bi trắng, 5 viên bi đen và 6 viên bi đỏ. Lấy ngẫu nhiên từ hộp đó 3 viên bi. Xác suất để ba viên bi được lấy ra có đủ ba màu là

- A.  $\frac{8}{91}$ .      B.  $\frac{3}{91}$ .      C.  $\frac{27}{91}$ .      D.  $\frac{24}{91}$ .

**Câu 14:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình vuông và các cạnh của hình chóp đều bằng  $a$ . Gọi  $M$  là trung điểm của  $SD$ .



Diện tích thiết diện của hình chóp đã cho với mặt phẳng  $(ABM)$  bằng

- A.  $\frac{3\sqrt{11}a^2}{16}$ .      B.  $\frac{3\sqrt{5}a^2}{8}$ .      C.  $\frac{3\sqrt{15}a^2}{16}$ .      D.  $\frac{3\sqrt{11}a^2}{8}$ .

**Câu 15:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình bình hành. Gọi  $G$  là trọng tâm tam giác  $ABC$  và  $M, I$  lần lượt là trung điểm của  $SC, AB$ .

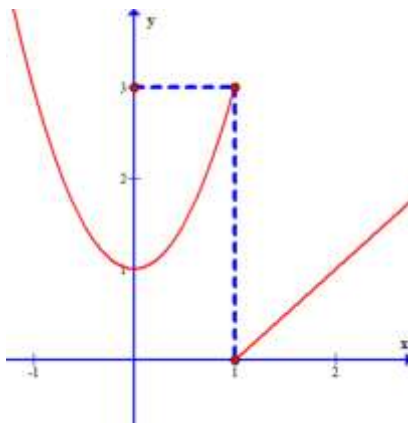
Giao điểm của đường thẳng  $MG$  và mặt phẳng  $(SAB)$  là

- A. giao điểm của  $SA$  và  $MG$ .      B. giao điểm của  $AB$  và  $MG$ .  
C. giao điểm của  $SB$  và  $MG$ .      D. giao điểm của  $SI$  và  $MG$ .

**Câu 16:** Cho hình chóp  $S.ABC$  có cạnh bên  $SA$  vuông góc mặt phẳng đáy. Góc giữa đường thẳng  $SC$  và mặt phẳng  $(ABC)$  là

- A.  $ACB$ .      B.  $SCB$ .      C.  $SCA$ .      D.  $SAC$ .

**Câu 17:** Cho hàm số  $y = f(x) = \begin{cases} x^2 + 2 & \text{khi } x \leq 1 \\ x - 1 & \text{khi } x > 1 \end{cases}$  có đồ thị như hình dưới đây. Mệnh đề nào dưới đây là mệnh đề đúng?



- A. Hàm số gián đoạn tại  $x = 3$ .      B. Hàm số liên tục tại  $x = 0$ .  
C. Hàm số không liên tục tại  $x = -4$ .      D. Hàm số liên tục tại  $x = 1$ .

**Câu 18:** Trong không gian, cho các điểm  $A, B, C, D$  tùy ý, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Mệnh đề nào sau đây sai?

- A. Nếu các vectơ  $\overrightarrow{AB}, \overrightarrow{AD}, \overrightarrow{AC}$  có giá đôi một cắt nhau thì bốn điểm  $A, B, C, D$  đồng phẳng.  
B. Nếu các vectơ  $\overrightarrow{AB}, \overrightarrow{AD}, \overrightarrow{AC}$  đồng phẳng thì bốn điểm  $A, B, C, D$  đồng phẳng.  
C. Nếu  $5\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{AC} = 2021\overrightarrow{AD}$  thì bốn điểm  $A, B, C, D$  đồng phẳng.  
D. Nếu các vectơ  $\overrightarrow{AB}, \overrightarrow{AC}, \overrightarrow{AD}$  có giá song song với cùng một mặt phẳng thì bốn điểm  $A, B, C, D$  đồng phẳng.

**Câu 19:**  $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{(1 + \sqrt{2}x)^2 (1 + \sqrt{3}x)^3 (1 + 2x)^4 - 1}{x} = a\sqrt{2} + b\sqrt{3} + c$  trong đó  $a, b, c \in \mathbb{N}$ . Giá trị  $abc$  bằng

- A. 30.      B. 66.      C. 48.      D. 72.

**Câu 20:** Kết quả  $\lim_{n \rightarrow \infty} \frac{n}{n+10^{15}}$  bằng

- A. 4                      B.  $+\infty$ .                      C. 0                      D. 1

**Câu 21:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình thoi tâm  $O$  và cạnh bên  $SA$  vuông góc với đáy. Hình chiếu vuông góc của điểm  $B$  lên mặt phẳng  $(SAC)$  là

- A. trung điểm của  $AO$ .                      B. trung điểm của  $SO$ .  
C. điểm  $C$ .                      D. điểm  $O$ .

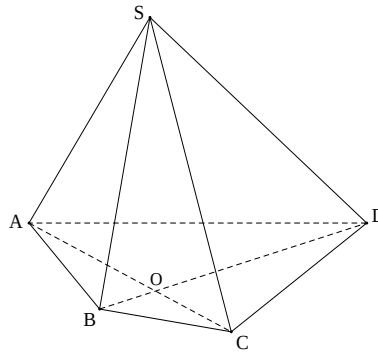
**Câu 22:** Biết kết quả  $\lim_{x \rightarrow -\sqrt{2}} \frac{2-x^2}{x^3+2\sqrt{2}}$  là một số thực có dạng  $\frac{m\sqrt{2}}{n}$  trong đó  $m, n \in \mathbb{N}$ ,  $\frac{m}{n}$  là phân số tối giản. Khi đó  $m-2n$  bằng

- A. -5.                      B. -10.                      C. 30.                      D. 13.

**Câu 23:**  $\lim_{x \rightarrow -2^+} \frac{x^{2020}}{x+2}$  bằng

- A.  $+\infty$ .                      B.  $-\infty$ .                      C. 1.                      D.  $2^{2020}$ .

**Câu 24:** Cho hình chóp  $S.ABCD$ , có đáy  $ABCD$  là tứ giác có các cặp cạnh đối không song song và  $O$  là giao điểm của  $AC$  và  $BD$ .



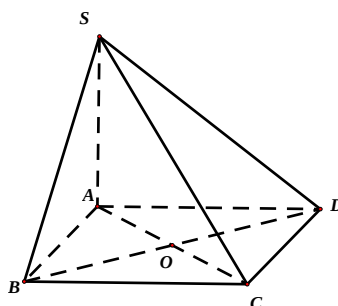
Giao tuyến của hai mặt phẳng  $(SAC)$  và  $(SBD)$  là

- A. đường thẳng  $SB$ .    B. đường thẳng  $SD$ .    C. đường thẳng  $SO$ .    D. đường thẳng  $SA$ .

**Câu 25:** Cho cấp số cộng  $(u_n)$  có  $u_1 = -3$  và  $d = \frac{1}{2}$ . Số hạng tổng quát  $u_n$  được xác định bởi công thức:

- A.  $u_n = -3 + \frac{1}{2}(n+1)$ .                      B.  $u_n = n\left(-3 + \frac{1}{4}(n-1)\right)$ .  
C.  $u_n = -3 + \frac{1}{2}(n-1)$ .                      D.  $u_n = -3 + \frac{1}{2}n - 1$ .

**Câu 26:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình vuông tâm  $O$  cạnh  $2a$ . Biết cạnh bên  $SA$  vuông góc với đáy và  $SA = a\sqrt{6}$ . Số đo góc giữa đường thẳng  $SO$  và mặt phẳng  $(ABC)$  bằng

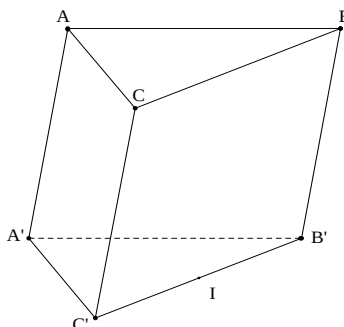


- A.  $30^\circ$ .                      B.  $60^\circ$ .                      C.  $45^\circ$ .                      D.  $90^\circ$ .

**Câu 27:** Hệ số của  $x^4$  trong khai triển thành đa thức của biểu thức  $(x^2 - x + 2)^7$  bằng

- A. 2674.                      B. -1904.                      C. -2884.                      D. 2632.

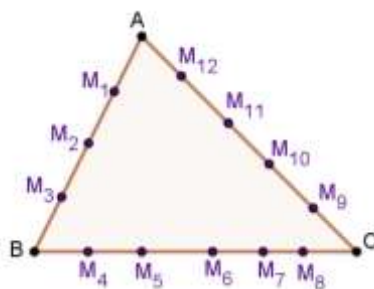
**Câu 28:** Cho lăng trụ tam giác  $ABC.A'B'C'$ , gọi  $I$  là trung điểm của  $B'C'$ .



Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A.  $\overrightarrow{AI} = -\frac{1}{2}\overrightarrow{AB} + \frac{1}{2}\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AA'}$ .                      B.  $\overrightarrow{AI} = \frac{1}{2}\overrightarrow{AB} + \frac{1}{2}\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AA'}$ .  
C.  $\overrightarrow{AI} = \frac{1}{2}\overrightarrow{AB} + \frac{1}{2}\overrightarrow{AC} - \overrightarrow{AA'}$ .                      D.  $\overrightarrow{AI} = \frac{1}{2}\overrightarrow{AB} - \frac{1}{2}\overrightarrow{AC} + \overrightarrow{AA'}$ .

**Câu 29:** Trên các cạnh của tam giác  $ABC$ , lấy 12 điểm  $M_1, M_2, \dots, M_{12}$  như hình vẽ sau:



Hỏi có bao nhiêu tam giác với các đỉnh thuộc tập hợp  $\{A, B, C, M_1, M_2, \dots, M_{12}\}$ ?

- A. 205.                      B. 210.                      C. 60.                      D. 390.

**Câu 30:** Cho tập hợp  $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ . Trong mặt phẳng tọa độ  $Oxy$ , có bao nhiêu điểm mà cả hoành độ và tung độ của điểm đó đều thuộc  $A$ ?

- A. 10.                      B. 16.                      C. 20.                      D. 25.

**Câu 31:** Ông Trung vay ngân hàng 800 triệu đồng theo hình thức trả góp hàng tháng trong 60 tháng. Lãi suất ngân hàng cố định 0,7% /tháng. Mỗi tháng ông Trung phải trả số tiền gốc là số tiền vay ban đầu chia cho 60 và số tiền lãi sinh ra từ số tiền gốc còn nợ ngân hàng (lần đầu tiên phải trả là 1 tháng sau khi vay). Tổng số tiền lãi mà ông Trung phải trả trong toàn bộ quá trình trả nợ là

- A. 135.500.000 đồng.                      B. 122.000.000 đồng.  
C. 170.800.000 đồng.                      D. 118.000.000 đồng.

**Câu 32:** Một hộp đựng 15 tấm thẻ, được đánh số từ 1 đến 15. Lấy ra ngẫu nhiên, từ hộp đó, một tấm thẻ. Xác suất để tấm thẻ lấy ra được đánh số lẻ bằng

- A.  $\frac{7}{15}$ .                      B.  $\frac{1}{2}$ .                      C.  $\frac{2}{5}$ .                      D.  $\frac{8}{15}$ .

**Câu 33:** Cho tứ diện  $ABCD$ ,  $G$  là trọng tâm tam giác  $ABD$  và  $M$  là điểm trên cạnh  $BC$  sao cho  $BM = 2MC$ . Đường thẳng  $MG$  song song với mặt phẳng

- A.  $(ABD)$ .                      B.  $(BCD)$ .                      C.  $(ACD)$ .                      D.  $(ABC)$ .

**Câu 34:**  $\lim_{x \rightarrow -\infty} \left( \frac{x-1}{\sqrt{9x^2+2}} \right)^{63}$  bằng

- A. 1.                      B.  $\left(\frac{1}{3}\right)^{63}$ .                      C.  $-\frac{1}{3^{63}}$ .                      D. 0.

**Câu 35:** Có bao nhiêu cách chọn ra 2 học sinh từ một lớp có 35 học sinh?

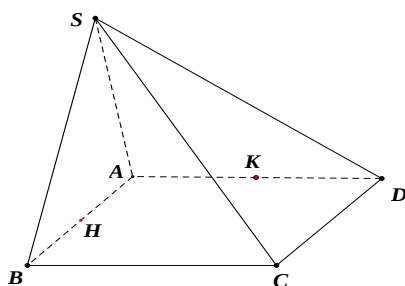
- A. 1225.                      B. 595.                      C. 70.                      D. 1190.

**Câu 36:** Số hạng không chứa  $x$  trong khai triển theo công thức nhị thức Niu-ơn của biểu thức

$$\left(x - \frac{2}{x^2}\right)^{12}$$
 là:

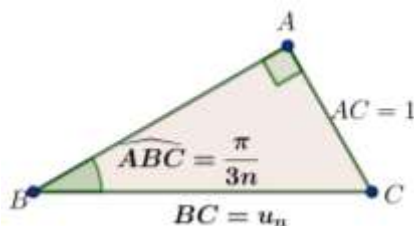
- A. 495.                      B. -7920.                      C. 7920.                      D. -495.

**Câu 37:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình vuông cạnh  $a$ . Hình chiếu của  $S$  lên mặt  $(ABCD)$  là trung điểm  $H$  của  $AB$  và tam giác  $SAB$  đều. Gọi  $K$  là trung điểm của  $AD$ ,  $\alpha$  là góc giữa  $SC$  và mặt phẳng  $(SHK)$ . Mệnh đề nào sau đây đúng?



- A.  $\sin \alpha = \frac{2}{3}$ .                      B.  $\sin \alpha = \frac{1}{4}$ .                      C.  $\sin \alpha = \frac{3}{4}$ .                      D.  $\sin \alpha = \frac{1}{2}$ .

**Câu 38:** Cho dãy số  $(u_n)$  với  $u_n$  là độ dài cạnh huyền của tam giác vuông trong hình sau:



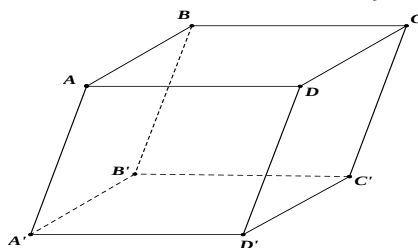
Khẳng định nào đúng ?

- A.  $u_n = \frac{\pi}{3n}$ .                      B.  $u_n = \frac{1}{\sin \frac{\pi}{3n}}$ .                      C.  $u_n = \frac{3n}{\pi}$ .                      D.  $u_n = \sin \frac{\pi}{3n}$ .

**Câu 39:** Gọi  $S$  là tập hợp các số tự nhiên có ba chữ số, chia hết cho 3, và cả ba chữ số của mỗi số đều thuộc tập hợp  $E = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$ . Chọn ngẫu nhiên một số thuộc  $S$ . Xác suất để số được chọn có các chữ số đôi một phân biệt là

- A.  $\frac{78}{115}$ .                      B.  $\frac{12}{55}$ .                      C.  $\frac{18}{55}$ .                      D.  $\frac{18}{47}$ .

**Câu 40:** Cho hình hộp  $ABCD.A'B'C'D'$ . Mệnh đề nào sau đây đúng?



- A.  $\overrightarrow{AB'} = \overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AA'} + \overrightarrow{AD}$ .                      B.  $\overrightarrow{A'D} = \overrightarrow{A'B'} + \overrightarrow{A'C'}$ .  
C.  $\overrightarrow{AC'} = \overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AA'} + \overrightarrow{AD}$ .                      D.  $\overrightarrow{AD'} = \overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AD} + \overrightarrow{AC'}$ .

**Câu 41:** Cho cấp số nhân  $(u_n)$  biết  $u_1 + u_5 = 51$  và  $u_2 + u_6 = 102$ . Hỏi số 48 là số hạng thứ mấy của cấp số nhân  $(u_n)$ ?

- A. Số hạng thứ 5.      B. Số hạng thứ 7.      C. Số hạng thứ 6.      D. Số hạng thứ 8.

**Câu 42:** Nhân ngày 20/10, một bạn nam chuẩn bị 5 món quà khác nhau, để tặng cho 5 bạn nữ của tổ mình. Hỏi bạn nam đó có bao nhiêu cách tặng quà cho các bạn nữ, sao cho mỗi bạn nữ được nhận một món quà?

- A. 3125.      B. 10.      C. 25.      D. 120.

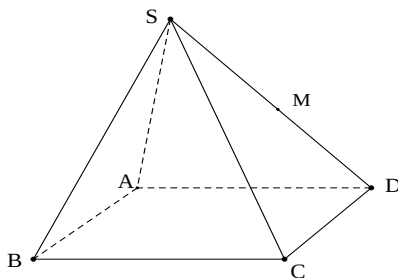
**Câu 43:** Có bao nhiêu số tự nhiên có hai chữ số khác nhau, mà chữ số hàng đơn vị là một bội của 3?

- A. 33.      B. 24.      C. 25.      D. 36.

**Câu 44:** Một chiếc máy có bốn động cơ hoạt động độc lập với nhau. Biết rằng, xác suất để mỗi động cơ hoạt động tốt là  $\frac{1}{5}$ . Xác suất để có đúng hai động cơ hoạt động tốt là

- A.  $\frac{6}{25}$ .      B.  $\frac{96}{625}$ .      C.  $\frac{1}{25}$ .      D.  $\frac{16}{625}$ .

**Câu 45:** Cho hình chóp tứ giác  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình bình hành. Gọi  $M$  là trung điểm  $SD$ , khi đó góc giữa  $CM$  và  $AB$  là

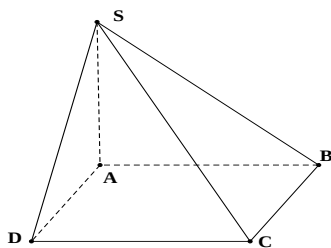


- A. góc giữa  $CM$  và  $SC$ .      B. góc giữa  $CM$  và  $CD$ .  
C. góc giữa  $CM$  và  $SD$ .      D. góc giữa  $CM$  và  $BC$ .

**Câu 46:** Cho hình chóp tam giác  $S.ABC$  có  $SA = SB = SC$  và đáy  $ABC$  là tam giác vuông tại  $B$ . Hình chiếu vuông góc của đỉnh  $S$  lên mặt đáy là

- A. trọng tâm của tam giác  $ABC$ .      B. trung điểm của  $AC$ .  
C. trung điểm của  $BC$ .      D. điểm  $B$ .

**Câu 47:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình chữ nhật và cạnh bên  $SA$  vuông góc với đáy. Mệnh nào sau đây đúng?



- A.  $CD \perp (SBD)$ .      B.  $CD \perp (SAD)$ .      C.  $CD \perp (SBC)$ .      D.  $CD \perp (SAB)$ .

**Câu 48:** Cho hình chóp  $S.ABCD$  có đáy  $ABCD$  là hình vuông và tất cả các cạnh đều bằng nhau. Gọi  $I$  và  $J$  lần lượt là trung điểm của  $SC$  và  $CD$ . Số đo của góc giữa hai đường thẳng  $IJ$  và  $SB$  bằng

- A.  $45^\circ$ .      B.  $90^\circ$ .      C.  $60^\circ$ .      D.  $30^\circ$ .

**Câu 49:** Cho dãy số  $(u_n)$  với  $u_1 = 1$  và  $u_n = 2u_{n-1} + n$  với mọi  $n \geq 2$ . Số hạng  $u_3$  bằng

- A. 11.      B. 6.      C. 8.      D. 4.

**Câu 50:** Cho cấp số nhân  $(u_n)$  biết  $u_1 = -3$  và  $q = -2$ . Tổng 10 số hạng đầu tiên của cấp số nhân đã cho

**A.**  $S_{10} = -511$ .

**B.**  $S_{10} = 1023$ .

**C.**  $S_{10} = 1025$ .

**D.**  $S_{10} = -1025$ .

----- **HẾT** -----



**Phản đáp án câu trắc nghiệm:**

| <b>Mã đề</b><br><b>Câu</b> | <b>816</b> | <b>866</b> | <b>618</b> | <b>835</b> |
|----------------------------|------------|------------|------------|------------|
| 1                          | D          | B          | A          | D          |
| 2                          | D          | D          | A          | B          |
| 3                          | B          | A          | A          | D          |
| 4                          | D          | D          | B          | C          |
| 5                          | B          | B          | B          | D          |
| 6                          | C          | B          | D          | B          |
| 7                          | B          | A          | A          | D          |
| 8                          | D          | D          | A          | D          |
| 9                          | D          | A          | C          | B          |
| 10                         | D          | A          | D          | A          |
| 11                         | D          | D          | D          | A          |
| 12                         | C          | B          | A          | D          |
| 13                         | C          | C          | D          | C          |
| 14                         | D          | C          | A          | A          |
| 15                         | A          | C          | D          | C          |
| 16                         | C          | C          | C          | C          |
| 17                         | C          | C          | B          | A          |
| 18                         | C          | C          | A          | A          |
| 19                         | B          | C          | C          | A          |
| 20                         | B          | A          | D          | A          |
| 21                         | B          | A          | D          | A          |
| 22                         | B          | A          | A          | C          |
| 23                         | C          | A          | A          | B          |
| 24                         | A          | B          | C          | B          |
| 25                         | A          | D          | C          | B          |
| 26                         | C          | D          | B          | A          |
| 27                         | B          | C          | D          | C          |
| 28                         | B          | A          | B          | B          |
| 29                         | C          | A          | D          | A          |
| 30                         | B          | B          | D          | C          |
| 31                         | A          | A          | C          | C          |
| 32                         | B          | D          | D          | C          |
| 33                         | A          | A          | C          | A          |
| 34                         | A          | D          | C          | D          |
| 35                         | B          | D          | B          | A          |
| 36                         | D          | A          | C          | C          |
| 37                         | B          | A          | C          | B          |
| 38                         | A          | B          | B          | A          |
| 39                         | A          | A          | A          | D          |
| 40                         | C          | A          | C          | C          |

|           |          |          |          |          |
|-----------|----------|----------|----------|----------|
| <b>41</b> | <b>D</b> | <b>D</b> | <b>A</b> | <b>C</b> |
| <b>42</b> | <b>A</b> | <b>B</b> | <b>D</b> | <b>B</b> |
| <b>43</b> | <b>A</b> | <b>D</b> | <b>A</b> | <b>C</b> |
| <b>44</b> | <b>A</b> | <b>B</b> | <b>B</b> | <b>B</b> |
| <b>45</b> | <b>C</b> | <b>B</b> | <b>B</b> | <b>D</b> |
| <b>46</b> | <b>D</b> | <b>B</b> | <b>B</b> | <b>A</b> |
| <b>47</b> | <b>B</b> | <b>C</b> | <b>B</b> | <b>D</b> |
| <b>48</b> | <b>D</b> | <b>B</b> | <b>B</b> | <b>A</b> |
| <b>49</b> | <b>D</b> | <b>C</b> | <b>A</b> | <b>D</b> |
| <b>50</b> | <b>A</b> | <b>A</b> | <b>B</b> | <b>D</b> |